

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2024.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Xuân Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhu.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1979 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh L.

2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Đ**, sinh năm: 1986 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và Chị Nguyễn Thị Đ do quen biết nên tiến tới hôn nhân vào năm 2008, hôn nhân xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2020, hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị Đ tự ý bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Hai bên đã ly thân thời gian dài không hàn gắn đoàn tụ được. Anh T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với Chị Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/4/2008 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 24/5/2013 hiện do Anh T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu Chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn Chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Anh Nguyễn Văn T và Chị Nguyễn Thị Đ là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt Anh T và Chị Đ.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, mặc dù hôn nhân giữa Anh T và Chị Đ là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 24/3/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh L. Tuy nhiên, hiện tại hai bên đã sống ly thân thời gian dài, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đối với Chị Đ, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, chị không đến dự theo giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn Anh T đưa ra. Điều này chứng tỏ chị không có thiện chí hàn gắn đối với cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Đức M đang sống với Anh T, bản thân anh có nơi ở và công việc thu nhập ổn định, đủ khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Đối với Chị Đ không có nguyện vọng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung. Tiếp tục giao 02 con chung cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do Anh T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn Cú vào các Điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn Cú vào các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
Căn Cú vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho Anh Nguyễn Văn T ly hôn với Chị Nguyễn Thị Đ;
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 11/4/2008 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 24/5/2013 cho Anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do Anh T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015021 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

5. Anh Nguyễn Văn T, Chị Nguyễn Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND nơi ĐKKH;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Trần Xuân Văn